

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Bản án số: 225/2024/DS-ST
- Ngày 12 tháng 7 năm 2024
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trương**
2. Ông **Bành Quốc Trung**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Trường Bảo Vy** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị X**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 07 Phan Đình Phùng, Khu phố 1, Phường 2, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 65/1 Trần Hưng Đạo, Khu phố 8, Phường 2, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết, trong năm 2022, vợ chồng anh T và chị H có vay tiền của chị nhiều lần nhưng không thực hiện được việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận; vì vậy chị có khởi kiện và sau đó đã thỏa thuận thống nhất nên rút đơn tại Tòa án.

Hai bên thỏa thuận số tiền còn nợ là 267.000.000 đồng, được vay tiếp thời hạn là 03 năm tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/8/2025, lãi suất là 02 %/tháng, số tiền lãi phải trả hàng tháng vào ngày 17 (ương lịch) và tiền vốn gốc trả dần là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng, thanh toán cho đến khi hết nợ.

Giao dịch có làm biên nhận và có làm văn bản thỏa thuận vay tiền tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Tiền Giang. Quá trình thực hiện, anh T, chị H không trả tiền theo thỏa thuận chỉ trả cho chị tổng số tiền vốn là 47.100.000 đồng, chưa trả khoản tiền lãi nào cho chị. Chị đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh T, chị H thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận nhưng anh T, chị H luôn tìm cách né tránh. Hiện nay anh T, chị H còn nợ chị vốn là 219.900.000 đồng và lãi chưa trả khoản nào. Nay chị chỉ yêu cầu anh T, chị H trả cho chị số tiền vốn là 219.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày trả nợ xong, lãi tạm tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 08/4/2024, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 219.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng = 34.536.300 đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Năm 2021, vợ chồng chị có vay của chị X số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng. Sau đó, vợ chồng chị vay tiếp chị X số tiền 300.000.000 đồng. Năm 2022, chị X khởi kiện vợ chồng chị tại Tòa án, vợ chồng chị đã bán nhà trả được số tiền 50.000.000 đồng nên chị X rút lại đơn khởi kiện. Sau đó vợ chồng chị có trả tiền cho chị X. Nay theo yêu cầu của chị X, vợ chồng chị đồng ý trả cho chị X số tiền 219.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì chị và chị X thỏa thuận không lấy tiền lãi nữa. Chị xin mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị Trần Thị X khởi kiện. Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

+ *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Trần Thị X với anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Mỹ H, địa chỉ khu phố 8, phường 2, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh chị vẫn vắng mặt không lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về số tiền vay:

Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ yêu cầu anh T, chị H trả cho chị số tiền vốn là 219.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/8/2022 đến ngày 17/6/2024, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 219.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng = 39.989.400 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai chị H thừa nhận vợ chồng chị có vay và còn nợ chị X số tiền vốn là 219.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Mỹ H có vay và còn nợ chị Trần Thị X số tiền vốn gốc là 219.000.000 đồng nên có nghĩa vụ trả cho chị X là có căn cứ.

[3.2] Về số tiền lãi:

Việc chị H cho rằng giữa chị và chị X có thỏa thuận không tính tiền lãi, không được chị X thừa nhận và chị H cũng không có căn cứ chứng minh, trong khi theo hợp đồng vay tiền giữa chị X và vợ chồng chị H là vay có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Chị X cho rằng từ khi vay cho đến nay anh T, chị H không có trả tiền lãi cho chị X, nay chị X yêu cầu anh T, chị H trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay 17/8/2022 đến ngày 17/6/2024 là 22 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 219.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng = 39.989.400 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.3] Về thời gian trả nợ:

Theo Hợp đồng vay ngày 17/8/2022, anh T, chị H hẹn đến 17/8/2025 sẽ trả lại toàn bộ số tiền vốn cho chị X, mặc dù theo hợp đồng chưa đến hạn trả tiền vốn nhưng do chị H, anh T vi phạm thời gian trả tiền lãi nên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị X cần buộc anh T, chị H trả cho chị X số tiền vay vốn còn nợ là 219.000.000 đồng và tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của chị Trần Thị X là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X.

Buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Mỹ H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị X số tiền vay vốn còn nợ là 219.000.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu đồng*) và tiền lãi là 39.989.400 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng*)

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.949.470 đồng (*Mười hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng*)

- Hoàn lại chị Trần Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.208.912 đồng (*Bảy triệu hai trăm lẻ tám nghìn chín trăm mười hai đồng*) theo biên lai số 0000696 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công (nay là thành phố Gò Công).

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- C.C THADS TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU